

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT CHỌN CHUYÊN NGÀNH BỔ SUNG
TUYỂN SINH BÁC SĨ NỘI TRÚ NĂM 2025**

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Hệ	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
1	717353	Đặng Cao	Trí	Nam	08/06/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	9,58	7,53	6,83	23,99
2	717251	Hồ Tấn	Phát	Nam	14/09/2001	Đắk Lắk	Hệ nội	Miễn	8,83	7,25	7,58	23,66
3	717367	Ngô Đắc	Tuấn	Nam	08/03/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Miễn	8,92	7,67	6,92	23,51
4	717129	Phùng Nguyễn Duy	Khang	Nam	10/02/2001	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ nội	Miễn	8,92	7,75	6,67	23,34
5	717252	Huỳnh Văn	Phát	Nam	19/05/2001	Tây Ninh	Hệ nội	Miễn	9	7,25	6,67	22,92
6	717047	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	16/12/2001	Tiền Giang	Hệ nội	Miễn	8,75	7,25	6,83	22,83
7	717046	Ngô Chí	Đạt	Nam	16/02/2001	Cần Thơ	Hệ nội	Miễn	8,75	7,17	6,83	22,75
8	717240	Trương Lê Bảo	Nhi	Nữ	22/08/2001	Quảng Nam	Hệ nội	Miễn	8,5	7	6,83	22,33
9	717009	Lê	Anh	Nữ	28/03/2000	Tây Ninh	Hệ nội	Miễn	8,58	7,25	6,33	22,16
10	717369	Võ Mạnh	Tùng	Nam	03/01/2001	Quảng Ngãi	Hệ nội	Miễn	7,58	7,5	7	22,08
11	717312	Dương Anh	Thư	Nữ	14/01/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	7,83	7,17	7	22
12	717078	Phùng Lê Khánh	Hà	Nữ	01/11/2001	Bình Phước	Hệ nội	Miễn	7,58	7,17	7,17	21,92
13	717108	Nguyễn Thị Thu	Hồng	Nữ	04/10/2000	Gia Lai	Hệ nội	Miễn	8,5	7	6,42	21,92
14	717149	Ngô Mạnh	Khương	Nam	06/01/2001	Kiên Giang	Hệ nội	Miễn	8,42	7	6,42	21,84
15	717110	Nguyễn Thị Hoài	Hương	Nữ	23/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	8,17	7,17	6,42	21,76
16	717061	Lê Phương Hải	Dương	Nam	11/09/2001	Đồng Tháp	Hệ nội	Miễn	8,75	7,17	5,83	21,75
17	717107	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	04/10/2001	Lâm Đồng	Hệ nội	Miễn	7,67	7,5	6,33	21,5
18	717154	Tạ Tuấn	Kiệt	Nam	25/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	8,75	7,17	5,58	21,5
19	717029	Nguyễn Sỹ Duy	Bình	Nam	03/02/2001	Đồng Nai	Hệ nội	Miễn	7,58	7,08	6,58	21,24
20	717257	Nguyễn Hoàng Thiên	Phú	Nam	21/04/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	7,5	7,33	5,75	20,58
21	717122	Bùi Thanh	Huyền	Nữ	02/08/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ nội	Miễn	7,92	7,08	5,58	20,58

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Hệ	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
22	717361	Lương Xuân	Trưởng	Nam	26/10/2000	Đắk Nông	Hệ nội	Miễn	7,08	7	6	20,08
23	717025	Trương Gia	Bảo	Nam	10/12/2001	An Giang	Hệ nội	Miễn	7	7	5,83	19,83
24	717022	Lý Huỳnh Gia	Bảo	Nam	30/11/2001	Cà Mau	Hệ nội	Miễn	6,67	7,08	5,92	19,67
1	716140	Lê Văn	Lộc	Nam	04/09/1997	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miễn	9,33	8,33	7,33	24,99
2	716268	Lê Nhất	Thành	Nam	13/02/2001	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	9,17	7,83	7,75	24,75
3	716256	Hồ Đắc Nhật	Tân	Nam	18/08/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,83	8,08	24,65
4	716305	Lê Trần Quốc	Toàn	Nam	10/09/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	9	8,42	7,08	24,5
5	716004	Nguyễn Phúc	An	Nam	03/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,92	8,08	7,42	24,42
6	716342	Nguyễn Ngọc	Tỷ	Nam	07/03/2001	Tiền Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,67	8,33	7,33	24,33
7	716182	Lê Đức	Nguyên	Nam	15/06/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miễn	9	8,33	7	24,33
8	716219	Bùi Trọng Gia	Phúc	Nam	19/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,33	7,92	7,92	24,17
9	716184	Nguyễn Trà Hạnh	Nguyên	Nữ	01/01/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miễn	8,42	8,25	7,5	24,17
10	716038	Nguyễn Thành	Công	Nam	16/06/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miễn	8,75	8,42	7	24,17
11	716055	Trần Nguyễn Phương	Dung	Nữ	17/12/2001	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miễn	9,08	7,42	7,67	24,17
12	716203	Nguyễn Thị Bích	Như	Nữ	14/08/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Miễn	8,92	8,17	7	24,09
13	716301	Ngô Chí	Tiến	Nam	05/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,5	8	7,58	24,08
14	716321	Trương Văn	Trạng	Nam	01/01/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,83	7,5	24,08
15	716233	Bùi Nguyễn Minh	Quang	Nam	13/04/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Miễn	9,08	7,17	7,83	24,08
16	716194	Hồ Nam Quý	Nhật	Nam	01/01/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Miễn	9,17	7,58	7,33	24,08
17	716311	Nguyễn Trần Bảo	Trần	Nữ	02/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,92	7,58	7,42	23,92
18	716360	Trần Như	Ý	Nam	22/10/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Miễn	8,58	7,75	7,5	23,83
19	716005	Nguyễn Thanh	An	Nam	06/01/2000	Quảng Nam	Hệ ngoại	Miễn	9	8,33	6,5	23,83
20	716104	Lê Thị Thanh	Huyền	Nữ	16/04/2000	Gia Lai	Hệ ngoại	Miễn	8,17	8,42	7,08	23,67
21	716137	Trương Gia	Linh	Nữ	07/09/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7	7,92	23,67
22	716260	Nguyễn Ngọc	Tân	Nam	13/12/1999	Bình Định	Hệ ngoại	Miễn	8,83	7,83	7	23,66
23	716161	Nguyễn Phan Hoài	Nam	Nam	19/08/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	8,08	7,83	7,67	23,58
24	716133	Nguyễn Lê Phương	Linh	Nữ	24/10/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miễn	8,33	8,25	7	23,58
25	716064	Trần Tấn	Dương	Nam	10/03/2001	Vĩnh Long	Hệ ngoại	Miễn	8	8,33	7,17	23,5
26	716088	Lưu Phạm Văn	Hoàng	Nam	25/12/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	8,5	7,67	7,33	23,5
27	716185	Phạm Minh	Nguyên	Nam	21/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	7,83	8,42	7,08	23,33

hao

Học
Được
NH PH
HÍ MI

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Hệ	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
28	716046	Nguyễn Ngọc	Đăng	Nam	10/02/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,25	7,58	7,5	23,33
29	716273	Nguyễn Anh	Thế	Nam	10/04/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	8,58	7,58	7,08	23,24
30	716122	Nguyễn Văn	Kiên	Nam	11/11/2001	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	8,42	7,67	7,08	23,17
31	716266	Hồ Văn	Thành	Nam	13/12/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Miễn	8,67	7,75	6,67	23,09
32	716190	Đinh Đức	Nhân	Nữ	19/01/2001	Quảng Ninh	Hệ ngoại	Miễn	8,67	7,67	6,75	23,09
33	716057	Nguyễn Chí Trí	Dũng	Nam	08/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miễn	8,75	8,08	6,25	23,08
34	716071	Võ Nhật Ái	Duyên	Nữ	08/02/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Miễn	8,83	7,25	7	23,08
35	716287	Lê Nhật Anh	Thư	Nữ	12/10/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	7,92	8	6,83	22,75
36	716348	Nguyễn Thế	Vinh	Nam	17/08/2001	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,67	8,25	5,83	22,75
37	716276	Trần Hoàng Bá	Thi	Nam	29/09/2000	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,67	7,5	6,58	22,75
38	716309	Ngô Nguyễn Ngọc	Trai	Nam	24/02/2001	Phú Yên	Hệ ngoại	Miễn	7,75	7,67	7,17	22,59
39	716166	Nguy Lê Khánh	Ngân	Nữ	15/08/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Miễn	8	7,75	6,83	22,58
40	716254	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	14/12/2001	Nghệ An	Hệ ngoại	Miễn	8,08	8	6,5	22,58
41	716101	Phạm Nhật	Huy	Nam	14/05/2001	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,33	7,67	6,58	22,58
42	716236	Phan Thanh	Quang	Nam	10/04/2001	Cần Thơ	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,33	6,33	22,41
43	716042	Võ Như	Cường	Nam	31/05/2000	Đà Nẵng	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,75	5,83	22,33
44	716040	Nguyễn Tấn	Cường	Nam	06/03/2001	Bến Tre	Hệ ngoại	Miễn	8,58	7	6,67	22,25
45	716139	Huỳnh Gia	Lộc	Nam	31/12/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	7,92	7,83	6,42	22,17
46	716304	Đặng Quốc	Tinh	Nam	14/06/2000	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miễn	7,92	8	6,17	22,09
47	716126	Mã Lâm Hồng	Kỳ	Nam	02/12/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Miễn	7,83	7,42	6,75	22
48	716049	Bùi Thành	Đạt	Nam	17/05/2001	Tây Ninh	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,58	5,67	22
49	716116	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nữ	06/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,33	7,08	6,58	21,99
50	716350	Đinh Viết	Vũ	Nam	09/09/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	Miễn	8,17	8,08	5,58	21,83
51	716128	Lương Thanh	Lâm	Nam	22/08/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miễn	8	7,42	6,33	21,75
52	716047	Hoàng Quang	Danh	Nam	26/3/2001	Khánh Hòa	Hệ ngoại	Miễn	8,5	7,75	5,5	21,75
53	716335	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	24/07/2001	Quảng Ngãi	Hệ ngoại	Miễn	8	7,25	6,42	21,67
54	716112	Lại Phương	Khanh	Nữ	20/03/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,17	7,33	6,17	21,67
55	716043	Phạm	Đan	Nam	04/07/2000	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	8,5	7,5	5,67	21,67
56	716220	Hồ Hữu	Phúc	Nam	02/05/2001	Bình Phước	Hệ ngoại	Miễn	7,83	7,58	6,17	21,58
57	716036	Lê Hoàng	Chương	Nam	19/06/2001	Trà Vinh	Hệ ngoại	Miễn	8,42	7,33	5,75	21,5

hao

TT	SBD	Họ đệm	Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Hệ	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Môn 4	Tổng điểm
58	716312	Quách Quế	Trân	Nữ	06/01/2001	Bạc Liêu	Hệ ngoại	Miễn	8,58	7,33	5,5	21,41
59	716264	Đặng Huỳnh Lâm	Thanh	Nữ	29/04/2001	Gia Lai	Hệ ngoại	Miễn	7,92	7,33	6,08	21,33
60	716076	Lê Minh	Hậu	Nam	19/01/2001	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	8	7,67	5,5	21,17
61	716191	Lê Trọng	Nhân	Nam	07/06/1999	An Giang	Hệ ngoại	Miễn	8,42	7,17	5,58	21,17
62	716119	Lê Hữu	Khiêm	Nam	29/09/2001	Thừa Thiên Huế	Hệ ngoại	Miễn	7	7,67	6,42	21,09
63	716008	Trần Triệu Phước	An	Nam	26/06/2001	Sóc Trăng	Hệ ngoại	Miễn	8,75	7,25	5	21
64	716087	Lê Thị Nhật	Hoàng	Nữ	01/09/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	8,33	7,33	5,33	20,99
65	716135	Nguyễn Thị Hà	Linh	Nữ	01/01/2001	Bình Thuận	Hệ ngoại	Miễn	8,25	7,08	5,42	20,75
66	716331	Hồ Mạnh	Trương	Nam	05/09/2001	Đắk Lắk	Hệ ngoại	9,33	7,75	7,17	5,58	20,5
67	716173	Phạm Nguyễn Đông	Nghi	Nữ	05/10/2001	Đồng Nai	Hệ ngoại	Miễn	6,58	7,08	6,75	20,41
68	716324	Danh Sĩ	Trình	Nam	09/08/2000	Kiên Giang	Hệ ngoại	Miễn	7,25	7	5,5	19,75
69	716235	Nguyễn Minh	Quang	Nam	07/11/2001	TP. Hồ Chí Minh	Hệ ngoại	Miễn	6,58	7,08	5,83	19,49
70	716113	Nguyễn Mai	Khanh	Nữ	12/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Hệ ngoại	Miễn	6,58	7,08	5,58	19,24
71	716289	Thái Thị Khánh	Thư	Nữ	02/04/2001	Quảng Trị	Hệ ngoại	Miễn	6,25	7,25	5,42	18,92

Ấn định danh sách có 95 (Chín mươi lăm) thí sinh. *hao*

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
Ngô Quốc Đạt